TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HS-ST
Ngày: 10/02/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Sa Rên.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Thạch Thanh Long.
2. Ông Nguyễn Thành Công.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Ươn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Cao Minh Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2022/TLST-HS, ngày 07 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST–HS, ngày 26 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, sinh năm 1995 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp C, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp Không; trình độ học vấn lớp 2/12; dân tộc kinh; giới tính nam; Tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956; Anh, chị em ruột có một người, sinh năm 1992, bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án 01: Vào ngày 04/12/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm tù giam về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt vào ngày 01/8/2021;

Tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 25/10/2021 cho đến nay.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1987. Nơi cư trú: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt –có đơn xin vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995. Nơi cư trú: 128, khóm A, phường T, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt –có đơn xin vắng mặt)

2/Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1971. Nơi cư trú: khóm 9, phường T, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt –có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ ngày 21 tháng 10 năm 2021, Nguyễn Văn L, sinh năm 1995, nơi cư trú ấp C, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau đang ở nhà của Nguyễn Văn T, sinh năm 1995, nơi cư trú thành phố T, tỉnh Trà Vinh, L nhờ T chở lên nhà ông Cao Văn T, sinh năm 1959, nơi cư trú ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, thì T (ông T là dượng của L). T điều khiển xe đạp chở L từ thành phố T đi huyện C. Khi đến địa phận xã B thì rẽ vào Đường huyện 7 đến chân cầu Ất Ếch thuộc địa phận ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh thì L kêu Thành cho xuống xe đi bộ về nhà ông T còn T quay trở về nhà. Lúc này, Nguyễn Văn L nẩy sinh ý thức tìm tài sản lấy trộm nên đi bộ xuống chân cầu Ất Ếch rẽ phải vào khu vực chợ xã H, quan sát xung quanh nhưng không tìm được tài sản lấy trộm, sau đó đi bộ trở lại qua cầu Ất Ếch về hướng xã B. Trên đường đi, Nguyễn Văn L nhìn thấy xe mô biển số 84L1 - 331.40, nhãn hiệu YAMAHA, số loại NOUVO SX, màu sơn xanh - bạc của chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1987, nơi cư trú ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh đang đậu phía trước cửa hàng trang trí nội thất Thành Của tọa lạc ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (quầy bán rau củ quả của chị T sát vách cửa hàng T), trên xe có gắn sẵn chìa khóa, không người trông coi nên Nguyễn Văn L quyết định lấy trộm xe mô tô này để bán lấy tiền tiêu xài. Nguyễn Văn L đi đến vị trí xe 84L1 - 331.40 đang đậu, quan sát xung quanh không có ai trông coi, L lên xe 84L1 - 331.40, bật chìa khóa và khởi động xe chạy về hướng thành phố T. Khi đến cầu Long Bình 1 thuộc phường T, thành phố T, Lộc điều khiển xe 84L1 - 331.40 vừa trộm được qua cầu một đoạn thì dừng lại mở cốp xe ra thấy bên trong có một áo mưa, cùng một bóp da màu nâu bên trong bóp có một giấy đăng kí xe mô tô, xe máy; một giấy phép lái xe; hai chứng minh nhân dân; bốn thẻ ATM, Nguyễn Văn L giữ lại giấy đăng kí xe mô tô, xe máy, còn các loại giấy tờ khác Nguyễn Văn L vứt vào thùng rác ven đường. Sau đó L điều khiển xe 84L1 - 331.40 về nhà của Nguyễn Văn Th. Tại đây Nguyễn Văn L nói xe 84L1 - 331.40 là của chị của mình xe có đầy đủ giấy tờ và nhờ T mang xe đi cầm dùm, thì T đồng ý. Nguyễn Văn T mang xe mô tô nói trên cùng giấy chứng nhận đăng ký xe đến cầm cho bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1971, nơi cư trú khóm 9, phường T,

thành phố T, tỉnh Trà Vinh được 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) và mang hết tiền cầm xe đưa cho Nguyễn Văn L. Tuy nhiên bị cáo Nguyễn Văn L khai nhận T chỉ đưa cho L số tiền cầm xe 3.000.000 đồng và số tiền này L đã tiêu xài cá nhân hết. Đối với chị Nguyễn Thị Mỹ T khi phát hiện mất trộm xe mô tô biển số 84L1 - 331.40 đã đến Cơ quan Công an trình báo sự việc. Ngoài ra chị T còn trình bày có để 5.000.000đồng (năm triệu đồng) trong cóp xe, nhưng L khai nhận không phát hiện số tiền này trong xe 84L1 - 331.40.

Tại bản kết luận định giá số 76/KL-ĐGTS ngày 25/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Càng Long kết luận Tại thời điểm bị xâm hại xe mô tô biển số 84L1 - 331.40, nhãn hiệu YAMAHA, số loại NOUVO SX, màu sơn Xanh – bạc, số máy E3R7E069831, số khung 9210GY069828, có giá trị là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng)

Tại Cáo trạng số: 03/CT-VKSCL, ngày 07/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn L, hoàn toàn thống nhất với nội dung Cáo trạng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long và thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 53 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 18(mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngoài ra, Vị còn đề nghị buộc bị cáo bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 4.000.000 đồng và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo Nguyễn Văn L có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Văn L, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Luật Tố tụng

hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa người bị hại chị Nguyễn Thị Mỹ T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T, anh Nguyễn Văn T vắng mặt và đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Càng Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đồng thời thống nhất với biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn L tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an huyện Càng Long thu thập có được.

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp với qui định của pháp luật, không oan, không sai.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn L là nguy hiểm cho xã hội; Bởi vì, tài sản của công dân bao gồm tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, phương tiện đi lại,… là do quá trình lao động mới có được. Bị cáo là người có đủ sức khỏe, lao động tạo ra nguồn thu nhập, phục vụ nhu cầu cuộc sống bản thân và gia đình, nhưng không lo chí thú làm ăn, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu, thực hiện hành vi lén lúc để chiếm đoạt tài sản. Cụ thể Vào khoảng 12 giờ, 40 phút ngày 21 tháng 10 năm 2021, bị cáo Nguyễn Văn L lén lúc lấy trộm xe mô tô biển số 84 L1 -331.40, nhãn hiệu YAMAHA, số loại NOUVO SX, màu xanh bạc của chị Nguyễn Thị Mỹ T có giá trị tại thời điểm bị xâm hại là 15.000.000 đồng.

[5] Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, mặc dù tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại bị nghiêm trị. Bản thân bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ tham lam, tư lợi, muốn có tiền tiêu sài, không phải bỏ ra công sức lao động dẫn đến bị cáo phạm tội. Bản thân bị cáo có 01 tiền án. Vào ngày 04/12/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm tù giam về tội trộm cắp tài sản, bị cáo chấp hành xong hình phạt vào ngày 01/8/2021 nhưng đến ngày 21/10/2021, bị cáo L tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội tức tái phạm. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn L quá xem thường pháp luật, đã làm ảnh hưởng xấu đến

tình hình an ninh trật tự ở địa phương mà còn gây hoang mang trong đời sống của quần chúng nhân dân.

[6] Tình hình trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Càng Long thời gian gần đây xảy ra liên tục, gây bức xúc trong nhân dân. Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần lên cho bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét: Sau khi phạm tội các bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cãi, tài sản đã được thu hồi trả cho người bị hại, hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp nhiều khó khăn. Đây là những căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo.

Do đó ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với bà Nguyễn Thị Thu T: Là người có đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm cố tài sản, khi Nguyễn Văn T mang xe mô tô biển số 84L1- 331.40 đến cầm thì bà T không biết xe do phạm tội mà có, bản thân bà T và anh T cũng không hỏi nhau về nguồn gốc xe. Do đó, hành vi của bà Nguyễn Thị Thu T không cấu thành tội phạm.

- Đối với anh Nguyễn Văn T: T đồng ý mang xe môtô biển số 84L1 - 331.40 đi cầm cố dùm cho Nguyễn Văn L do bị cáo L nói là xe mượn của người chị và có giấy chứng nhận đăng ký. T hoàn toàn không biết xe biển số 84L1 - 331.40 do bị cáo L phạm tội mà có. Do đó hành vi của T không cấu thành tội phạm

[7] *Về trách nhiệm bồi thường dân sự*: Người bị hại chị Nguyễn Thị Mỹ T đã nhận lại tài sản, đối với số tiền 5.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày số tiền 5.000.000đồng để trong cóp xe bị mất cùng xe môtô 84L1-331.40: Cơ quan điều tra tiến hành đối chất giữa người bị hại và bị cáo L, cả hai vẫn giữ nguyên lời khai, ngoài ra không còn tài liệu nào khác chứng minh trong cóp xe môtô khi mất có số tiền 5.000.000đồng. Nay, chị Mỹ T có đơn không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 4.000.000 đồng, bà T đã nhận cầm xe môtô biển số 84L1 - 331.40, do bà T không biết xe do phạm tội mà có, nghỉ buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 4.000.000 đồng.

[8] *Về xử lý vật chứng*:

+ 01 xe môtô biển số 84L1 - 331.40, nhãn hiệu YAMAHA, số loại NOUVO SX, màu sơn Xanh bạc, số máy E3R7E069831, số khung RLCSE9210GY069828;

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, biển số đăng ký 84L1 - 331.40, tên chủ xe Nguyễn Thị Mỹ T, địa chỉ ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Cơ quan điều tra đã giao cho bị hại Nguyễn Thị Mỹ T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] *Về án phí*: Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

- Căn cứ: Điều 268 và Điều 269 Bô luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 53 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2021.

2. *Về trách nhiệm bồi thường dân sự*: Người bị hại chị Nguyễn Thị Mỹ T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

3. *Về xử lý vật chứng*: Bị hại Nguyễn Thị Mỹ T đã nhận lại tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí*: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc b ản án được niêm yết tại nơi cư trú.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- Công an huyện Càng Long;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Huỳnh Sa Rên

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Càng Long, ngày 04 tháng 12 năm 2020

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi . . . giờ . . . phút, ngày 04 tháng 12 năm 2020.
Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long.
Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: ông Huỳnh Sa Rên.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Bà Nguyễn Thị Diệu Trang.
2/. Ông Nguyễn Hữu Phước.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2020 đối với:

Bị cáo Trương Thành Long sinh năm 1995.

Nơi cư trú: Ấp Tường Nhơn, xã Tường Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Hội đồng xét xử thảo luận và thống nhất 100% (tức 3/3) quyết định những vấn đề sau đây:

1.Tuyên bố bị cáo Trương Thành Long phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ: Điều 268 và Điều 269 Bô luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 173; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Trương Thành Long 09 (Chín) tháng tù.

Áp dụng: Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tổng hợp với hình phạt 01 năm tù của bản án số 29/2020/HSST, ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là: 01 (một) năm 09 (chín) tháng, thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2020.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. *Về trách nhiệm bồi thường dân sự*: Người bị hại bà Nguyễn Thị Út, ông Trần Văn U đã nhận lại tài sản, anh Hồ Quốc Khanh không yêu cầu bị cáo bồi thường, bà Võ Thị Bé Sáu, bà Phạm Thị Diễm đã được bị cáo thỏa thuận bồi thường xong, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Giao trả cho bà Trần Thu Phượng: 01 xe mô tô biển số 64AC – 058.68, màu xanh trắng, loại FLEGANT 50, hiệu SYM và một bản photo giấy chứng nhận xe mô tô, xe gắn máy số 033676 do Công an tỉnh Vĩnh Long cấp, tên chủ sở hữu Mai Văn Trí, địa chỉ 71/84 Nguyễn Huệ, phường 2, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, số khung 05MDGD010600, số máy MSE1AD010600.

- Giao trả cho bà Phạm Thị Chúp: 01 xe mô tô biển số 64FA – 009.32, số khung RRKWCB5UMCXB -04395, số máy không, 01 giấy chứng nhận xe mô tô, xe máy số 103500, do Công an huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 19/11/2013, biển số đăng ký 64FA – 009.32, nhãn hiệu FLROLI, số máy 39FMB – 004359, số khung 5UMCXB – 04395, 02 mãnh kim loại màu xám, trong đó: 01 mãnh có chử và số là "VTT68YX1P3", "004395", mãnh còn lại có chử và số là " 9FBM"

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. *Về án phí*: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo Trương Thành Long phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi . . . giờ . . . phút, ngày 04 tháng 12 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Hữu Phước Nguyễn Thị Diệu Trang Huỳnh Sa Rên